

Bản án số: **87/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 16 - 9 - 2019

V/v: “*Xin ly hôn,
tranh chấp nuôi con*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu In

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Chung Kim Sang

- Ông Trương Hoài Khanh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham
gia phiên tòa:* Bà Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá,
tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý
số: 82/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019, về việc “Xin ly hôn, tranh
chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2019/QĐXXST-HNGĐ
ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Võ Trung T, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: Số 23/5 đường N, phường B, Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn:* Chị Lý Thị Huỳnh N, sinh năm 1995 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 76 đường H, khu phố 2, phường V, Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20/10/2018 và các lời khai trong quá
htrình giải quyết vụ án cũng N tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Nguyễn Võ
Trung T trình bày:* Tôi và chị N tự quen nhau, chung sống có tổ chức lễ cưới vào
năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường V, Tp. R, tỉnh
Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/7/2016.

Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình anh T tại địa chỉ 23/5 đường N, phường B, Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến ngày 20/12/2017 chị N bỏ nhà, bỏ chồng con đi về nhà mẹ ruột mà không nói lý do, tôi đã nhiều lần liên lạc Nng chị N vẫn không quay về, không quan tâm chăm sóc gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 20/12/2017 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh T làm đơn xin ly hôn với chị N.

- Về con chung: Anh T xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Lý Hạ V, sinh ngày 11/5/2016, hiện nay đang sống với anh T. Anh T yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T xác định không có.

* Bị đơn chị Lý Thị Huỳnh N đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng chị N không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Từ khi thụ lý đến ngày đưa quyết định ra xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203, Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn hoãn phiên tòa.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 9, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Võ Trung T với chị Lý Thị Huỳnh N, giao con chung tên Nguyễn Lý Hạ V, sinh ngày 11/5/2016 cho anh Nguyễn Võ Trung T nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị N

cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung anh T xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai Nng bị đơn chị Lý Thị Huỳnh N vắng mặt không rõ lý do và nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Lý Thị Huỳnh N.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Võ Trung T khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với chị Lý Thị Huỳnh N. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Võ Trung T và chị Lý Thị Huỳnh N kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/7/2016, nên theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân xin ly hôn anh T xác nhận là do mâu thuẫn trong cuộc sống hằng ngày, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị N không quan tâm chăm sóc gia đình; mặc dù anh T và chị N đã tự hòa giải để đoàn tụ và được hai bên gia đình hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần Nng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên sâu sắc và anh chị đã sống ly thân với nhau từ ngày 20/12/2017 đến nay. Nay anh T xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn với chị N. Phía chị N không có ý kiến theo yêu cầu xin ly hôn theo yêu cầu của anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng anh T và chị N không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc; thời gian anh chị sống ly thân Nng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng khoản 1

Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị N.

- Về con chung: Anh T xác định quá trình chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Lý Hạ V, sinh ngày 11/6/2016, hiện nay đang sống với anh T. Anh T yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay thì cháu Hạ V sống chung với cha là anh T, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Hạ V cho anh T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Do anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T xác định không có.

Do chị N không có ý kiến tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các vấn đề trên chị N có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc anh Nguyễn Võ Trung T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, anh T được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001509 ngày 12/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Võ Trung T được ly hôn với chị Lý Thị Huỳnh N.

2/ Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Lý Hạ V, sinh ngày 11/5/2016 cho anh Nguyễn Võ Trung T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lý Thị Huỳnh N được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Anh Nguyễn Võ Trung T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Anh Nguyễn Võ Trung T xác định không có.

5/ Về án phí: Buộc anh Nguyễn Võ Trung T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, anh T được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001509 ngày 12/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; nên anh T không phải nộp thêm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

** Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN THU IN

